

Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế VN phù hợp với hội nhập quốc tế

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN



Mô hình tăng trưởng kinh tế mà chúng ta xác định và xây dựng những thập niên qua là không còn phù hợp nữa, nhất là sau khủng hoảng tài chính – tiền tệ và suy thoái kinh tế toàn cầu, vì vậy việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đã được Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI xác định là một trong những trọng tâm quan trọng trong phát triển kinh tế giai đoạn 2011-2015. Vậy thì mô hình tăng trưởng kinh tế mới là gì, đây là chủ đề đang và sẽ được bàn luận nhiều trong giới khoa học cũng như về phía Đảng và Nhà nước. Để góp phần nhỏ vào việc đưa ra ý tưởng về mô hình tăng trưởng kinh tế VN thời gian tới, tác giả tiến hành tổng thuật các ý kiến của nhiều nhà khoa học, nhiều chuyên gia và nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước có liên quan đến mô hình tăng trưởng kinh tế VN. Vì vậy bài báo khoa học này sự tổng hợp ý tưởng của nhiều nhà khoa học trong nước và ngoài nước (xem nguồn tài liệu tham khảo) với mục tiêu cung cấp cho độc giả có cách nhìn tổng quan về mô hình tăng trưởng kinh tế VN.

Từ khoá: Mô hình tăng trưởng kinh tế VN, khủng hoảng tài chính tiền tệ, suy thoái kinh tế toàn cầu

1. Mô hình tăng trưởng trên thế giới

Cho đến nay trên thế giới đã có nhiều mô hình tăng trưởng kinh tế. Các mô hình tăng trưởng kinh tế đều hướng tới lý giải nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế. Để từ đó các nhà hoạch định chính sách chọn lựa mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp. Cụ thể như: Mô hình dựa vào tài nguyên của D. Ricardo;

Mô hình nhị nguyên (mô hình hai khu vực); Mô hình Harrod-Doma; Mô hình Robert Solow, Kaldor và Sung Sang Park.

Từ các mô hình tăng trưởng kinh tế nêu trên, có thể thấy rằng mô hình Solow, Kaldor và Sung Sang Park là phù hợp trong bối cảnh hiện đại. Có nghĩa là: mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật và nguồn nhân lực chất lượng

cao sẽ làm tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nguồn nhân lực chất lượng cao bao hàm trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tính kỷ luật cao và có sức khỏe tốt. Máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ sản xuất cao cấp hay phần mềm tiên tiến,... chỉ có thể phát huy hiệu quả tối đa nếu được sử dụng bởi nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì thế, đây là mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp



nhất cho VN trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, để đạt được tăng trưởng kinh tế, theo các nhà kinh tế học hiện đại, cần thiết phải có đủ 4 nhân tố cơ bản của nền kinh tế là lao động, tài nguyên, vốn và công nghệ. Ngoài ra, để các nhân tố này phối hợp được với nhau một cách hiệu quả, cần thiết phải có thể chế để đảm bảo cho những sáng chế, phát minh được bảo vệ và trả công một cách xứng đáng.

2. Kinh tế VN: thành tựu và bất cập

Những năm qua nền kinh tế VN đã đạt được nhiều thành tựu cơ bản như: tốc độ phát triển kinh tế tương đối cao, khoảng 7,2%/năm; GDP bình quân đầu người tăng gấp 2 lần năm 2001 (nếu tính giá hiện hành thì khoảng 3,4 lần), thu ngân sách, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng khoảng 4 lần, và quan trọng là VN đã bước đầu thành công trong hội nhập kinh tế quốc tế. Theo chỉ tiêu GDP bình quân đầu người, VN đã vượt qua ngưỡng nghèo để tham gia vào nhóm các nước thu nhập trung bình; thành tựu xóa đói, giảm nghèo được thế giới thừa nhận là ấn tượng...

Tuy nhiên, sau chặng đường dài xây dựng, mô hình tăng trưởng kinh tế đang bộc lộ nhiều hạn chế, nếu không chuyển đổi sang mô hình mới sẽ xuất hiện nguy cơ kim hãm quá trình tăng trưởng và phát triển trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay. Dựa trên mô hình như đã khái quát ở trên và đối chiếu với mô hình tăng trưởng hiện có bên cạnh những mặt tích cực, mặt mạnh không ai có thể phủ nhận được thì vẫn còn những mặt hạn chế sau:

Tăng trưởng kinh tế dựa trên thâm dụng vốn đầu tư là cơ bản. Điều này thể hiện ở chỗ sự tăng trưởng kinh tế những năm qua vẫn theo chiều rộng là chính, dựa trên khai thác nguồn lực sẵn có, nghĩa là dựa trên lợi thế tĩnh, chưa dựa trên khai thác tối ưu lợi thế động. Để khai thác lợi thế tĩnh VN phải đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước với nhiều hình thức khác nhau. Do đó yếu tố vốn đã đóng góp trên 50% tăng trưởng GDP. Trong khi lợi thế lao động trẻ, dồi dào, cùng với nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) chỉ đóng góp cho tăng trưởng vào khoảng 50% còn lại. Thực tế ở các nước phát triển cho thấy tỷ lệ đóng góp của

riêng TFP vào kết quả tăng trưởng thường chiếm tỷ trọng từ 50-60%. Sự phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư để tăng trưởng dẫn đến hệ quả là muốn duy trì mức tăng trưởng cao, phải tiếp tục tăng vốn thêm nữa. Trong khi đó, nền kinh tế còn nghèo, tỷ lệ tiết kiệm thấp nên khó tăng từ bên trong. Muốn tăng thêm nữa phải dựa nhiều hơn vào các nguồn vốn bên ngoài, nhưng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay, cả vốn FDI lẫn các nguồn khác đều có hạn và tỏ ra không chắc chắn.

Thực tế cũng cho thấy giai đoạn 1991-1995, tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 8,21%/năm thì đầu tư toàn xã hội mới chỉ chiếm trung bình 28,2% GDP. Giai đoạn 1996-2000, tốc độ tăng trưởng GDP giảm xuống còn 7,0%/năm nhưng đầu tư toàn xã hội đã lên tới 33,3% GDP. Trong giai đoạn 2000-2005 và 2006-2010, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,49%/năm và 6,9%/năm - thấp hơn tốc độ tăng GDP bình quân của 10 năm trước đó nhưng tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội đã tăng tương ứng là 39,1% GDP và 42,7% GDP.

Năm 2011, Chính phủ thực hiện

cắt giảm hàng loạt công trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn trái phiếu chính phủ nhằm kìm chế lạm phát nhưng đầu tư toàn xã hội vẫn đạt 862 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% so với năm 2010 và tương đương 34% GDP, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,89%. Điều đáng nói là đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước vẫn tăng tới 13,4% so với năm 2010 và đạt tốc độ tăng cao nhất so với các nguồn vốn khác (vốn của doanh nghiệp tư nhân chỉ tăng 3,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,8%...).

Những số liệu trên cho thấy sự phát triển đầy nghịch lý giữa tỷ lệ tăng đầu tư và tốc độ tăng trưởng GDP: Tỷ lệ đầu tư càng cao thì tốc độ tăng trưởng GDP càng giảm.

Một bất cập nữa trong đầu tư công, ở VN lại tập trung vào đầu tư cho kinh tế rất cao (chiếm 73% tổng vốn đầu tư của Nhà nước) trong khi đầu tư vào các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp đến sự phát triển của con người (khoa học, giáo dục, đào tạo, y tế, cứu trợ xã hội, văn hoá, thể thao...) lại rất thấp và đang có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây.

Rõ ràng, sự kém hiệu quả của đầu tư công nằm ở quy hoạch, kế hoạch, quy trình quyết định đầu tư, tức là ở thể chế và bộ máy. Nếu không có sự thay đổi trong thể chế và bộ máy thì rất khó có thể tái cấu trúc đầu tư công”, TS. Lê Đăng Doanh nói và minh chứng, thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành rà soát và cắt giảm hàng loạt công trình, dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước có hiệu quả thấp, chưa thực sự cần thiết, chưa khởi công với số tiền lên tới 3.400 tỷ đồng... nhưng chi

đầu tư công vẫn tăng 23% so với năm 2010.

Sự tăng trưởng kinh tế của VN vẫn chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học - công nghệ. Điều này thể hiện ở chỗ chỉ số kinh tế tri thức còn rất thấp, chưa đạt được điểm trung bình. Theo phương pháp đánh giá do Viện nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra, thì Chỉ số kinh tế tri thức của VN năm 2008 là 3,02, xếp thứ 102 trong số 133 quốc gia được phân tích. Chỉ số này của VN tuy cao hơn của nhóm thu nhập thấp nhưng thấp hơn nhiều so với chỉ số của nhóm nước thu nhập trung bình thấp (4,1).

So với các nước trong khu vực, chỉ số kinh tế tri thức của nước ta chưa bằng 1/2 chỉ số đạt được của nhóm nền kinh tế công nghiệp mới (NIEs gồm Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông), thấp hơn khá nhiều so với Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc và Philippines.

Năng suất lao động toàn xã hội thấp và tăng chậm so với khả năng mà chúng ta có. Cụ thể những năm qua năng suất lao động có chiều hướng tăng đáng kể. Chẳng hạn giai đoạn 2001 – 2010, tốc độ tăng năng suất bình quân đạt khoảng 4,8%/năm. Nếu so với mức năng suất lao động của Trung Quốc hiện nay, VN còn kém khoảng 2,6 lần và Thái Lan 4,3 lần.

Mức tiêu tốn năng lượng để tạo ra một đơn vị GDP của nước ta hiện cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Số liệu của Tổ chức Năng lượng Thế giới (EIA) cho thấy năm 2005, tỷ suất điện năng để sản xuất ra 1 USD GDP của VN là 0,97 KWh/1USD, bằng 2,4 lần mức trung bình của thế giới (0,4). Số liệu tương tự cùng kỳ của Singapore là 0,31; Hồng Kông: 0,21; Hàn Quốc: 0,46; Malaysia:

0,61; Thái Lan: 0,71; Ấn Độ: 0,90; và Trung Quốc là 1,06.

Như vậy, để tạo ra 1 USD của GDP, VN đã phải tốn lượng điện năng bằng 4,65 lần Hồng Kông; gần 2,10 so lần Hàn Quốc; 3,12 lần Singapore; và khoảng 1,37 - 1,60 lần so Thái Lan, Malaysia. Đáng chú ý, dù VN có suất tiêu hao điện trên một đơn vị USD GDP là 0,69, thấp hơn Trung Quốc (1,31), Ấn Độ (1,18) vào năm 1995, nhưng đến năm 2005, tỷ suất này của Ấn Độ (0,90) đã thấp hơn VN (0,97), còn Trung Quốc thì tỷ suất theo các năm giảm dần (0,25) gần bằng VN, trong khi VN qua 10 năm lại tăng lên 0,28.

Rõ ràng là các nguồn lực của VN thời gian qua đã được phân bổ vào một số lĩnh vực chưa hợp lý, trong đó có sự chưa tương xứng giữa các loại ngành nghề sản xuất và sử dụng năng lượng. Hệ quả là tình trạng mất cân đối trong một số lĩnh vực, trong đó có cung cấp nguyên vật liệu và năng lượng càng trở nên trầm trọng.

Năng lực cạnh tranh quốc gia tăng chậm. Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp của VN đạt hạng 61 năm 2004/2005; hạng 64 năm 2006/2007; hạng 68 năm 2007/2008; hạng 70 năm 2008/2009 và hạng 75 năm 2009/2010.

Không những tụt hạng so với các nước, mà chúng ta còn chậm tiến bộ so với chính mình. Điểm số xếp hạng năng lực cạnh tranh tổng hợp trong ba năm gần đây gần như không đổi, thậm chí điểm xếp hạng năm 2009/2010 còn giảm chút ít so với năm 2008/2009. Kết quả này cho thấy nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của VN trong năm qua chưa nhiều và chưa đủ để

cải thiện về thứ hạng.

Chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp được xây dựng trên cơ sở đo lường các yếu tố có tác động lớn tới năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia. Các yếu tố này được phân loại thành 12 nhóm nhân tố, còn được gọi là 12 trụ cột thể hiện năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia, gồm: thể chế, hạ tầng, kinh tế vĩ mô, giáo dục tiểu học và y tế, giáo dục và đào tạo bậc cao, hiệu quả thị trường hàng hóa, hiệu quả thị trường lao động, trình độ của thị trường tài chính, mức độ sẵn sàng về công nghệ, quy mô thị trường, trình độ kinh doanh và đổi mới.

Năm 2008 và 2009, do kinh tế vĩ mô không ổn định, điểm số đối với chỉ tiêu này giảm mạnh so với những năm trước đó và trở thành nhân tố lớn nhất làm suy giảm năng lực cạnh tranh quốc gia trong năm 2009. Kể từ năm 2008 đến nay, điểm số cho mọi nhóm tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh tổng thể của VN đều thấp dưới trung bình, ngoại trừ tiêu chí giáo dục tiểu học và y tế. Trong đó, ba nhóm tiêu chí có thể coi là điểm yếu lớn nhất hạn chế năng lực cạnh tranh của VN hiện nay là giáo dục và đào tạo bậc cao, kết cấu hạ tầng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo M. Porter, năng lực cạnh tranh quốc gia của VN, gần như tất cả các yếu tố trong 2 phạm vi được nhóm nghiên cứu đưa ra là vĩ mô (thể chế chính trị, pháp quyền, phát triển con người, chính sách kinh tế vĩ mô) và vi mô (môi trường kinh doanh và chiến lược doanh nghiệp) đều xếp hạng từ trung bình trở xuống. Cá biệt, chính sách kinh tế vĩ mô của VN được báo cáo đặt chỉ báo màu đỏ, tương đương với một bất lợi lớn.

Những bất cập nêu trên của mô

hình tăng trưởng sẽ đặt ra những thách thức lớn đối với VN trong thời gian tới, trực tiếp ảnh hưởng tới các cân đối vĩ mô. Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng thấp của khu vực xuất khẩu, sự mất giá của tiền đồng cộng với cầu nội địa gia tăng sẽ làm cho thâm hụt thương mại ngày một trầm trọng.

Kinh tế vĩ mô chưa ổn định vững chắc. Cụ thể lạm phát cao hơn tăng trưởng. Thế giới 44/200 nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân lớn hơn 5%/năm trong 20 năm qua. Trong số này, có 17 nền kinh tế có quy mô dân số hơn 20 triệu người.

VN đứng hàng thứ 3 về mức tăng GDP bình quân người/năm, nhưng lại nằm trong nhóm các nước lạm phát cao hơn tăng trưởng, cụ thể là lạm phát lớn hơn tăng trưởng 1,73 lần. Trong 5 năm từ năm 2007 đến nay, có tới 4 năm mức lạm phát của VN cao ở mức 2 con số.

Lãi suất cao hiện khoảng 17-18%/năm, thanh khoản ngân hàng yếu khiến nhiều doanh nghiệp rất khó tiếp cận với nguồn vốn vay. Đồng thời, tính thanh khoản của một số ngân hàng yếu. Trong khi đó, một phần vốn vay ngân hàng lại được các nhà đầu tư sử dụng vào kinh doanh bất động sản. Gặp lúc kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng khiến cho dòng vốn đầu tư cho sản xuất càng khó tiếp cận.

Thâm hụt thương mại lớn, lại chủ yếu với một bạn hàng Trung Quốc, dự trữ ngoại tệ ít. Mặc dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của VN bình quân thời kỳ 2001-2010 đạt gần 16%/năm, nhưng hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô và hàng công nghiệp chế tạo hàm lượng công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp...khiến cho mức độ

ổn định kinh tế vĩ mô trở nên thiếu vững chắc, lòng tin của nhà đầu tư vào môi trường kinh doanh và của xã hội vào giá trị đồng tiền giảm sút.

Cải cách thể chế chưa được chú ý đúng mức. Quan sát tiến trình đổi mới thể chế, có thể nhận thấy rằng các mục tiêu của cải cách thể chế vẫn còn chưa thực sự được chú ý đúng mức. Do đó trong khi nhiều chỉ tiêu như tăng trưởng kinh tế, xuất – nhập khẩu, tăng vốn đầu tư, thu hút FDI, xóa đói giảm nghèo,... đạt kết quả tốt; thì nhiều chỉ tiêu phản ánh mức độ hoàn tất của quá trình chuyển đổi thể chế kinh tế - chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN vẫn chưa có nhiều kết quả tích cực. Chẳng hạn cổ phần hóa DNNN vẫn diễn ra chậm chạp, thị trường bất động sản lún sâu đóng băng, thị trường lao động chưa vẫn còn nhiều bất cập...

Tóm lại như M. Porter đã nhận xét rằng mô hình phát triển dựa trên các yếu tố tự nhiên được thừa hưởng, vốn đã giúp VN tăng trưởng trong 15-20 năm qua, hiện đã lỗi thời và VN cần sớm đưa ra một mô hình mới. “Nếu VN tiếp tục tăng trưởng theo kiểu cũ, tức là dựa chủ yếu vào đặc điểm địa lý hay dân cư thì không có nghĩa là khủng hoảng sẽ đến vào năm sau. Tuy nhiên các bạn chắc chắn không thể duy trì mô hình này trong vòng 5-10 năm tới”. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này, theo Giáo sư Michael Porter, chính là do năng suất lao động chung trong nền kinh tế (động lực chính cho sự thịnh vượng) còn ở mức quá thấp. Điều này cũng trực tiếp ảnh hưởng đến mô hình tăng trưởng vốn đang dựa nhiều vào hội nhập và chuyển dịch lao động chế tác hiện nay (mô hình

cổ điển)

3. Đề xuất mô hình và giải pháp tăng trưởng kinh tế giai đoạn đến 2025

3.1. Mô hình tăng trưởng kinh tế

Có thể hình dung một cách tổng quát, mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn từ 2011-2020 là từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ chủ yếu phát triển dựa vào tăng vốn đầu tư, sử dụng nhiều lao động giản đơn sang phát triển dựa trên yếu tố năng suất tổng hợp, tiến bộ khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao. Khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, để đạt sự tăng trưởng kinh tế theo mô hình trên, theo các nhà kinh tế học hiện đại, cần thiết phải có đủ 4 nhân tố cơ bản của nền kinh tế là lực lượng lao động, tài nguyên, vốn và công nghệ. Ngoài ra, để các nhân tố này phối hợp được với nhau một cách hiệu quả, cần thiết phải có thể chế hóa đồng bộ, hiệu quả để đảm bảo cho những sáng chế, phát minh được bảo vệ và trả công một cách xứng đáng.

Từ cơ sở lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế trên, căn cứ vào thực tế về những ưu và hạn chế của mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đang vận hành và dựa vào dự báo về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chuyển đổi mô hình giai đoạn

2020 và tầm nhìn 2025; mô hình tăng trưởng kinh tế mới phải kết hợp khai thác nhân tố chiều rộng và chiều sâu theo hướng:

- Dịch chuyển sang thâm dụng lao động nhưng chú trọng chuyển dịch cơ cấu lao động tích cực hơn và công tác đào tạo nghề cho lao động nhằm tăng tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật

- Khuyến khích các doanh nghiệp cải tiến công nghệ và trang bị công nghệ mới phù hợp với điều kiện của mình để tạo ra những sản phẩm có chất lượng nhằm mở rộng



thị trường và nâng cao uy tín hàng hoá VN;

- Chú trọng phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt nâng cao năng suất lao động nông nghiệp;

- Nâng cao hiệu quả đầu tư của nền kinh tế đặc biệt là đầu tư công;

- Thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu;

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong dài hạn.

Định hướng chủ yếu cho mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn đến 2020 và tầm nhìn 2025 là: Tốc độ tăng trưởng hợp lý (chứ không phải đặt nặng mục tiêu tốc độ cao, năm sau cao hơn năm trước), bền vững, hiệu quả và cạnh tranh.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng xoay quanh theo định hướng phát triển mô hình tổng quát trên, chứ không phải chỉ giản đơn bảo đảm phát triển cơ cấu ngành, nghề theo tỷ trọng nào đó theo kế hoạch dự kiến trước. Thực chất của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế là việc phân bổ nguồn lực nội tại của của nước ta và trong vùng tối ưu, hiệu quả. Mọi chính sách đưa ra phải được tập trung đúng mức cho mục tiêu phát triển theo mô hình đã được xác định, chứ không phải chỉ nhằm đáp ứng cho một mục tiêu riêng lẻ nào, hoặc chệch hướng theo những lợi ích nhóm, cục bộ nào.

Như vậy mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn đến 2020 theo hướng: Tăng trưởng hợp lý, bền vững, hiệu quả, cạnh tranh.

Về chất lượng tăng trưởng:

Hiện nay, có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau về chất lượng tăng

trưởng, mỗi cách tiếp cận có ưu và nhược điểm riêng. Ban thực hiện đề tài xin gộp những cách tiếp cận khác nhau về tăng trưởng theo hai hướng như sau:

- Hướng tiếp cận chất lượng tăng trưởng theo những đặc trưng của phát triển bền vững.

- Hướng khác tiếp cận, đánh giá tăng trưởng dựa trên cơ sở phân tích các yếu tố đầu vào và trực tiếp tác động đến tăng trưởng, dạng như hàm sản xuất tổng quát. Biểu thị mối quan hệ phụ thuộc giữa đầu ra với các nhân tố đầu vào.

Tác giả ủng hộ hướng tiếp cận thứ hai. Vì theo hướng tiếp cận này trong thực tế chúng ta có thể phân tích, đánh giá được tăng trưởng trên



các phương diện cơ bản như sau:

- Ở phạm vi nhất định (gián tiếp hay trực tiếp) cũng đã bao hàm những yếu tố tăng trưởng bền vững và sức cạnh tranh.

- Thực hiện nghiên cứu định lượng để đánh giá mức độ đóng góp của mỗi yếu tố đầu vào đối với đầu ra (tăng trưởng).

- Đánh giá được vai trò, vị trí đóng góp của mỗi yếu tố đầu vào và sự thay đổi vai trò, vị trí của mỗi yếu tố đầu vào đó đối với tăng trưởng ở mỗi giai đoạn phát triển khác nhau.

- Về mặt logic, tiếp cận theo hướng này sẽ cho phép lựa chọn nhiều đường hướng tăng trưởng, căn cứ trên nhiều yếu tố hiện có sau khi đánh giá được những mặt mạnh, mặt yếu của chúng trong mỗi thời kỳ. Đồng thời dựa trên việc phân tích hàm sản xuất tổng quát, có thể phát hiện ra những khâu bị tắc nghẽn trong chu trình tăng trưởng để tập trung nỗ lực giải quyết.

3.2. Giải pháp

3.2.1. Phải thay đổi tư duy chạy theo con số tăng trưởng GDP cao, chạy theo số lượng sang tăng trưởng hợp lý, bền vững, hiệu quả, cạnh tranh. Việc thay đổi nhận thức

này sẽ rất khó. Vì từ trước đến nay chúng ta đánh giá dựa theo việc thực hiện các chỉ tiêu đưa ra. Bởi thế, đã đến lúc phải có tư duy mới trong phát triển kinh tế, có các tiêu chí phù hợp với phát triển bền vững. Và các tiêu chí đó thể hiện được lợi thế so sánh của từng ngành, từng địa phương. Theo Michael Porter, VN cần đặt ra một chiến lược mới với 3 nguyên tắc chỉ đạo cơ bản là đặt năng lực cạnh tranh ở vị trí trung tâm, coi trọng vai trò kinh tế tư nhân và đưa vai trò của Chính phủ trở thành người tạo dựng lợi thế cho nền kinh tế. 3 nguyên tắc này được coi là chìa khóa để điều chỉnh các mất cân đối vĩ mô hiện tại cũng như tạo nền tảng cho một nền sản xuất có năng suất cao hơn. Các nhà nghiên cứu cũng đề nghị thành lập một Ủy ban quản lý năng lực cạnh tranh cấp quốc gia tại VN, giống như mô hình đã được thực hiện rất thành công ở Hàn Quốc và nhiều nước khác.

3.2.2. VN cần phát triển các cụm ngành sản xuất. Theo Michael Porter, VN nên tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến thu hút đầu tư, phát triển kỹ năng lao động, khu công nghiệp... Ông đã đề xuất một số mô hình thí điểm như cụm ngành

điện tử - cơ khí tại Hà Nội, cụm du lịch ở miền trung hay cụm ngành dệt may, logistics tại TP HCM...

3.2.3. Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước phải đạt mục tiêu hiệu quả, tính kinh tế của quy mô giảm sự lệ thuộc và vốn nhà nước, thay đổi chiến lược kinh doanh theo hướng khác biệt hóa trên trên 3 trụ cột : sản phẩm tốt nhất- khách hàng toàn diện- Hệ thống quản lý khóa chặt, nâng cao năng lực cạnh tranh, tách biệt vai trò của chính phủ với tư cách là chủ sở hữu và hoạt động quản lý điều tiết. Thành lập Ủy ban giám sát năng lực cạnh tranh quốc gia.

DNNN sẽ phải chịu sự áp đặt đầy đủ kỷ cương nhà nước và kỷ luật thị trường, buộc cạnh tranh bình đẳng như các DN khác. Tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động, hiệu lực quản trị, cải thiện mức độ an toàn và hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng; nâng cao trật tự, kỷ cương của quản lý nhà nước, đảm bảo nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng.

3.2.4. Đến năm 2020, VN có những ngành, lĩnh vực đạt mức độ công nghệ của các nước tiên tiến, làm cơ sở để thúc đẩy các ngành và lĩnh vực khác phát triển. Các vấn đề an sinh xã hội được giải quyết cơ bản theo hướng đồng bộ, tạo lập những ưu đãi của Nhà nước cho nhóm người có thu nhập thấp. Các vấn đề phát triển bền vững được thực hiện theo chiến lược lâu dài, có tầm nhìn đến 2050.

Lúc đó chúng ta sẽ phải cơ bản đáp ứng nhu cầu về điện năng, nhà ở, giao thông, công nghệ thông tin, hệ thống giáo dục, y tế... của nhân dân tương đương với mức của các nước có thu nhập bình quân đầu người khoảng từ 3.000-5.000 USD,

trong khi thực tế thu nhập của chúng ta chỉ khoảng 2.000 - 2.500 USD. Trong một số ngành và lĩnh vực, VN đạt trình độ của các nước OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế) như Internet, ứng dụng công nghệ cao trong khám chữa bệnh, sử dụng các phương tiện vận tải có độ thải CO₂ thấp, tỷ lệ giao thông công cộng ngày càng cao...

Chúng ta cũng chọn được một số ngành mà đại diện là các tập đoàn kinh tế có các sản phẩm được thế giới biết đến như dầu khí trong lĩnh vực khai thác, thăm dò; như viễn thông trong lĩnh vực tổ chức mạng di động và cáp quang...

3.2.5. Chủ động tham gia vào quá trình có tính toàn cầu trong việc hình thành giá trị gia tăng của sản phẩm. Tham gia vào quá trình này một cách tích cực và có trách nhiệm, chúng ta mới đảm bảo khả năng phát triển nền kinh tế nước ta trên cơ sở thị trường nội địa và xuất khẩu ổn định. Tức là cơ cấu hay mô hình phát triển của chúng ta tận dụng hết được các tiềm năng tạo ra giá trị gia tăng trên một sản phẩm. Lúc này, các doanh nghiệp VN đã có sản phẩm đạt chất lượng thế giới, nên sẽ phải có tư duy mới về độc lập tự chủ trong kinh tế chứ không nên nghĩ cái gì cũng phải làm từ A đến Z.

Phát triển kinh tế nhanh ở đây không chỉ đơn thuần là con số tăng trưởng GDP cao, mà là phát triển để tận dụng hết tiềm năng của nội tại nền kinh tế nước ta và tận dụng hết cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.

3.2.6. Tác giả đồng tình với ý kiến của TS Lê Đăng Doanh và nhóm nghiên cứu Đức đề xuất là VN cần tăng trưởng kinh tế và phát triển theo mô hình tam giác

với 3 trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường. Đây là nền tảng khoa học cho việc định hướng đầu tư và phát triển sản xuất ở tầm vĩ mô. Trên cơ sở lý thuyết phát triển này, người quản lý sẽ biết được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó chọn điểm ưu tiên phát triển từng thời kỳ phù hợp với khả năng tài chính của đất nước, nhận thức của người dân và chi phí bảo vệ môi trường cần thiết để đảm bảo cân bằng môi trường sống.

Có thể ở giai đoạn đầu, để đưa nước ta trở thành một quốc gia công nghiệp hóa, chúng ta sẽ ưu tiên cho phát triển kinh tế. Nhưng với cái nhìn đa diện của lý thuyết này, chúng ta sẽ biết điểm dừng của việc đầu tư để tránh hủy hoại môi trường và dành một phần quỹ đất tiếp theo của nhà máy để hoàn chỉnh hệ thống bảo vệ môi trường, có chính sách thuế phù hợp với công nghệ thân thiện môi trường mà doanh nghiệp đầu tư.

Trong 5 năm tới (2011-2015), ưu tiên tái cơ cấu thị trường tài chính, tái cơ cấu đầu tư và tái cơ cấu DNNN. Chính phủ nhấn mạnh, các DNNN sẽ được sắp xếp lại, tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính.

4. Kết luận

Tác giả đồng tình với nhận định rằng mô hình tăng trưởng kinh tế của chúng ta còn nhiều hạn chế như: Mô hình tăng trưởng dựa vào mở rộng quy mô qua thâm dụng vốn nhưng hiệu quả thấp – yếu tố VN thiếu phải đi vay làm tăng nợ nước ngoài ngày càng tăng; mô hình tăng trưởng hiện tại đã không dựa vào yếu tố công nghệ, trình độ tổ chức quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao; mô hình hiện tại không thể khai thác tốt yếu tố

tiềm năng lớn nhất của VN là lao động; mô hình này chưa thúc đẩy sự phát triển của khu vực nông nghiệp đã hạn chế đến chất lượng tăng trưởng.

Để giải quyết các hạn chế đó của mô hình tăng trưởng hiện có, tác giả xin đề xuất mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2020 và 2030 như sau:

Mô hình tăng trưởng kinh tế mới phải kết hợp khai thác nhân tố chiều rộng và chiều sâu theo hướng: Dịch chuyển sang thâm dụng lao động nhưng chú trọng chuyển dịch cơ cấu lao động tích cực hơn và công tác đào tạo nghề cho lao động nhằm tăng tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật; Khuyến khích các doanh nghiệp cải tiến công nghệ và trang bị công nghệ mới phù hợp với điều kiện của mình để tạo ra những sản phẩm có chất lượng nhằm mở rộng thị trường và nâng cao uy tín hàng hoá VN; chú trọng phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt nâng cao năng suất lao động nông nghiệp; nâng cao hiệu quả đầu tư của nền kinh tế đặc biệt là đầu tư công; thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu; và giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong dài hạn ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Quang Bình, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
 Nhật Minh, VnExpress
 PGS. TS. Bùi Tất Thắng, Báo *Đầu tư điện tử*
 TS. Lê Đăng Doanh, Ban tư vấn thủ tướng
 TS. Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Ủy ban Kinh tế của Quốc hội,